BẢN ĐỒ THỂ HIỆN RANH GIỚI HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN TỈNH NINH THUẬN
KHU VỰC 5, XÃ AN HẢI VÀ PHƯỜNG ĐÔNG HẢI
C-49-3-C-c-3

NINH THUẬN- NINH PHƯỚC,
PHAN RANG THÁP CHÀM

	C-49-3-C-c-1	C-49-3-C-c-2
C-49-2-D-d-4	C-49-3-C-c-3	C-49-3-C-c-4
C-49-14-B-b-2	C-49-15-A-a-1	C-49-15-A-a-2

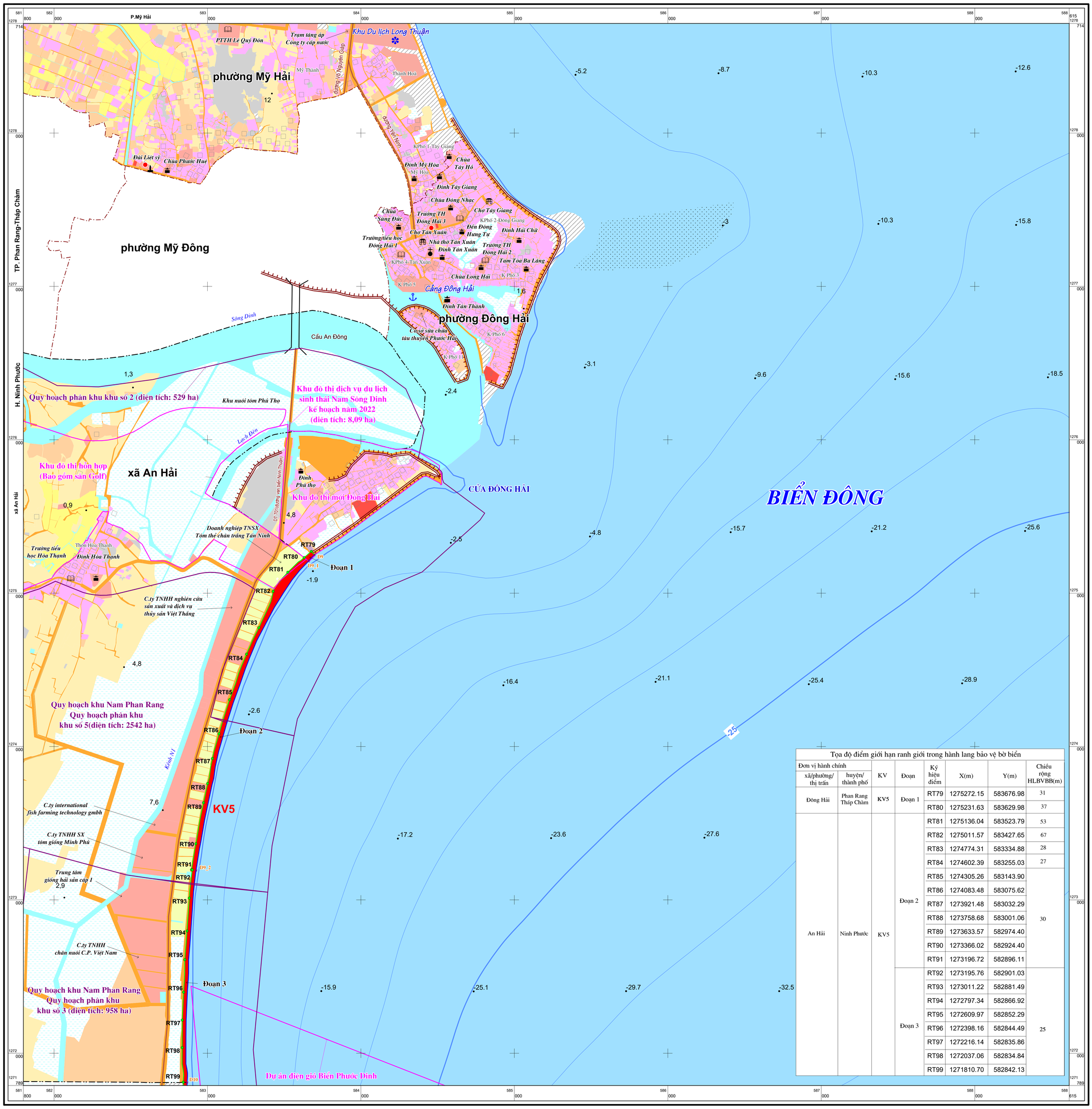

Tọa độ điểm giới hạn ranh giới trong hành lang bảo vệ bờ biển

Đơn vị hành chính		KV	Đoạn	Ký hiệu điểm	X(m)	Y(m)	Chiều rộng HLBVBB(m)
Đông Hải	Phan Rang Tháp Chàm	KV5	Đoạn 1	RT79	1275272.15	583676.98	31
				RT80	1275231.63	583629.98	37
An Hải	Ninh Phước	KV5	Đoạn 2	RT81	1275136.04	583523.79	53
				RT82	1275011.57	583427.65	67
				RT83	1274774.31	583334.88	28
				RT84	1274602.39	583255.03	27
				RT85	1274305.26	583143.90	
				RT86	1274083.48	583075.62	
				RT87	1273921.48	583032.29	
				RT88	1273758.68	583001.06	30
				RT89	1273633.57	582974.40	
				RT90	1273366.02	582924.40	
				RT91	1273196.72	582896.11	
			Đoạn 3	RT92	1273195.76	582901.03	
				RT93	1273011.22	582881.49	
				RT94	1272797.34	582866.92	
				RT95	1272609.97	582852.29	
				RT96	1272398.16	582844.49	25
				RT97	1272216.14	582835.86	
				RT98	1272037.06	582834.84	
				RT99	1271810.70	582842.13	

VỊ TRÍ PHẠM VI DỰ ÁN TRONG TỈNH NINH THUẬN

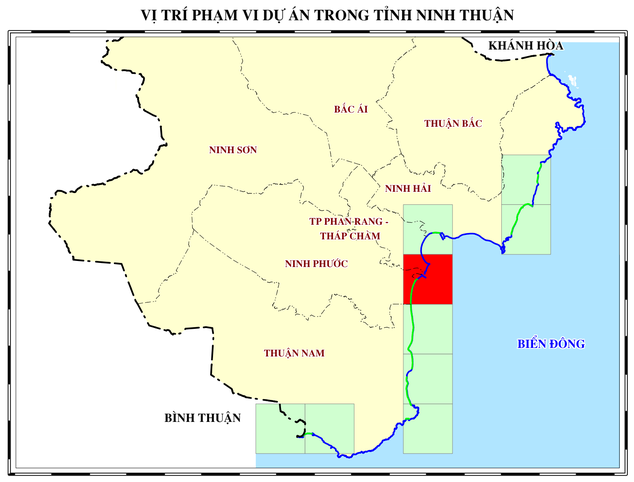

- Trụ sở UBND tỉnh
- Trụ sở UBND huyện, thành phố
- Trụ sở UBND xã, thị trấn
- Cảng
- Ga
- Khu du lịch
- Trạm biên phòng, đồn biên phòng
- Chùa, đình, cơ sở tôn giáo
- Nhà thờ
- Tượng đài
- Trường học
- Nhà máy
- Sân vận động
- Công an
- Bệnh viện
- Nghĩa trang
- Khu khai thác
- Làng
- Điện gió
- Khu dân cư
- Khu bảo tồn rùa biển
- Ranh giới hành chính cấp tỉnh
- Ranh giới hành chính cấp huyện
- Ranh giới hành chính cấp xã
- Đường quốc lộ
- Đường tỉnh lộ, huyện lộ
- Đường sắt
- Đê, kè
- Đường bờ
- Đường bình độ và giá trị độ cao (m)
- Đường đẳng sâu và giá trị độ sâu (m)
- Đất giao thông
- Hồ, sông, suối
- Rừng phòng hộ
- Rừng đặc dụng
- Rừng sản xuất
- Đất thủy sản
- Đất nghĩa địa
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm gốm
- Đất ở
- Đất trồng lúa
- Đất trồng cây lâu năm
- Đất trồng cây hàng năm
- Đất nông nghiệp khác
- Đất an ninh, quốc phòng
- Đất chuyên dùng khác
- Đất chưa sử dụng
- Đất đồi núi chưa sử dụng
- Đất làm muối
- Bãi bồi

GHI CHÚ LỚP CHUYÊN ĐỀ

- Điểm giới hạn ranh giới ngoài hành lang bảo vệ bờ biển
- Điểm giới hạn ranh giới trong hành lang bảo vệ bờ biển
- KV — Tên khu vực thiết lập hành lang
- Đường triều cao(ranh ngoài HLBV bờ biển)
- Đường hành lang bảo vệ bờ biển(ranh trong)
- Ranh bảo vệ đê
- Ranh hệ sinh thái
- Ranh tiếp cận người dân
- Phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển

GHI CHÚ KHU BẢO TỒN BIỂN VƯỜN QUỐC GIA NÚI CHÚA

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt biển
- Phân khu phát triển
- Phân khu phục hồi sinh thái biển
- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt
- Phân khu phục hồi sinh thái
- Phân khu Dịch vụ - hành chính
- Vùng đệm

RANH QUY HOẠCH CÁC DỰ ÁN

- Ranh phân khu
- Ranh các dự án

TỶ LỆ 1 : 10.000

1 cm trên bản đồ bằng 100 m ngoài thực địa

200m 100m 0 200m 400m 600m 800m

Ngày.....tháng.....năm 2022

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG BIỂN KHU VỰC PHÍA NAM GIÁM ĐỐC

Bản đồ được thành lập theo các tài liệu sau
-Bản đồ hiện trạng tài nguyên môi trường vùng bờ;
-Bản đồ Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Ninh Thuận;
-Bản đồ Danh mục các khu vực phải thiết lập HLBVBB tỉnh Ninh Thuận;
-Bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Ninh Thuận năm 2020;
-Bản đồ địa hình trên đất liền tỷ lệ 1:10.000;
-Bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000;
-Bản đồ các dự án ven biển;
-Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022;
-Bản đồ ghép tổng thể Ninh Thuận;
-Hệ tọa độ quốc gia VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 108°15' .

Ngày.....tháng.....năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN GIÁM ĐỐC